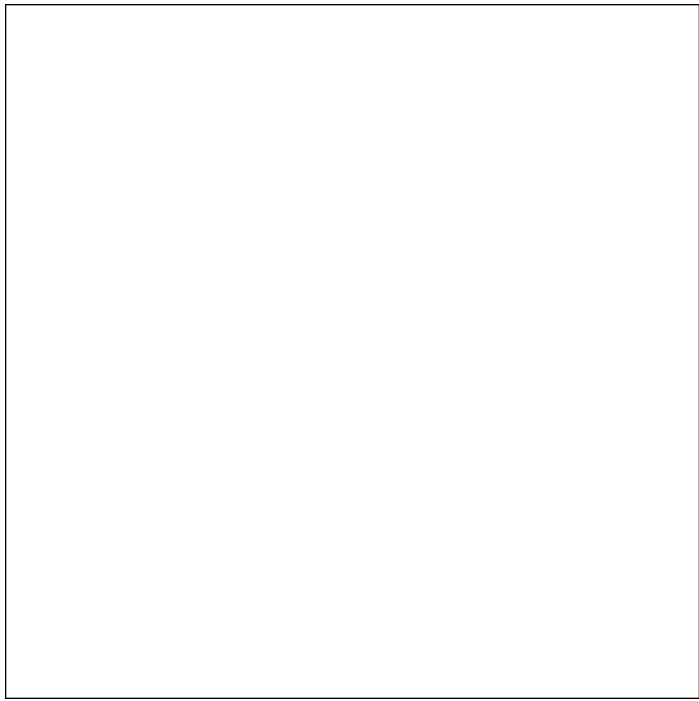




(imageless edition)

✎ Lesley Koyi, Ursula Nafula
🔒 Brian Wambi
📧 Nana Trang
🗨️ Vietnamese / English
📊 Level 3



Ngày tôi rời khỏi thành phố
The day I left home for the city



香港故事書

[global-asp.github.io/storybooks-hongkong](https://github.com/global-asp/storybooks-hongkong)

Ngày tôi rời khỏi thành phố / The day I

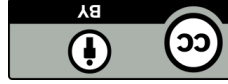
left home for the city

Written by: Lesley Koyi, Ursula Nafula

Illustrated by: Brian Wambi

Translated by: Nana Trang (vi)

This story originates from the African Storybook (africanstorybook.org) and is brought to you by 香港故事書 in an effort to provide children's stories in 香港's many languages.



This work is licensed under a Creative Commons Attribution 4.0 International License.

<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0>



Một chiếc xe bus nhỏ đỗ tại làng tôi. Mọi người trong làng chen chúc và chen lấn nhau. Có rất nhiều thứ cần được cho lên xe. Người kiểm vé đang la tên những điểm tới của xe họ.

...

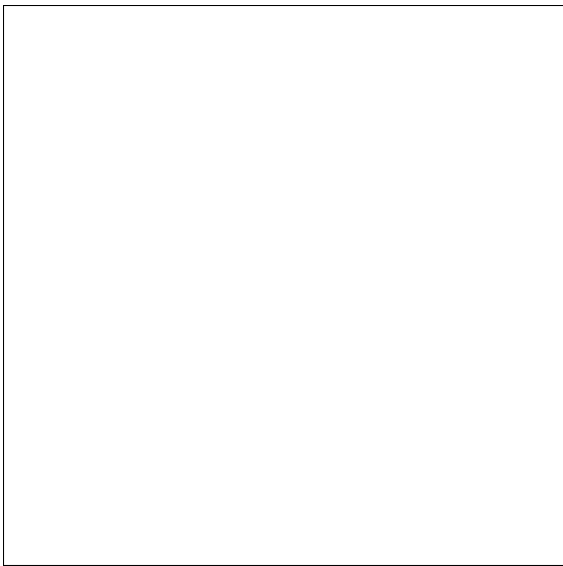
The small bus stop in my village was busy with people and overloaded buses. On the ground were even more things to load. Touts were shouting the names where their buses were going.



“Đi về thành phố! Đi về thành phố! Đi về phía Tây!” Tôi
nghe tiếng gọi từ chiếc xe buýt tôi cần đi.

...

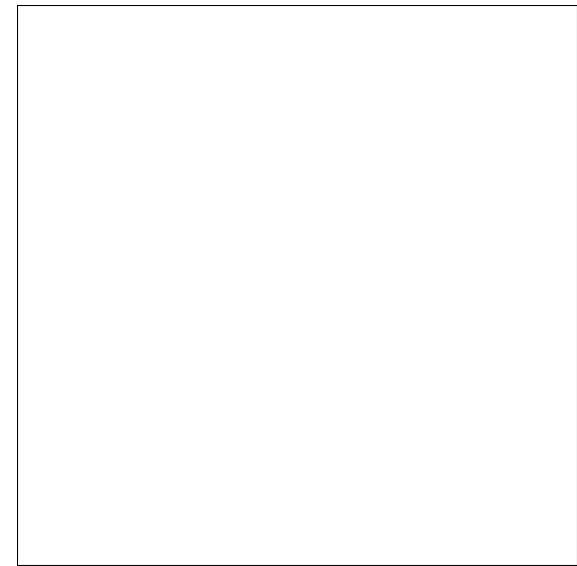
“City! City! Going west!” I heard a tout shouting. That was
the bus I needed to catch.



Xe đi thành phố đã gần đầy, nhưng nhiều người vẫn muốn lên. Vài người đã chất đồ vào gầm xe. Những người còn lại sử dụng ngăn để đồ phía trên ghế.

...

The city bus was almost full, but more people were still pushing to get on. Some packed their luggage under the bus. Others put theirs on the racks inside.



Chiếc buýt nhanh chóng đầy người, chuẩn bị đi về lại hướng Đông. Việc tôi cần làm bây giờ là tìm chú tôi thôi.

...

The return bus was filling up quickly. Soon it would make its way back east. The most important thing for me now, was to start looking for my uncle's house.



Những người hành khách mới đến nắm chặt vé trong tay, tìm chỗ để ngồi. Nhưng người phụ nữ và trẻ nhỏ đã yên vị.

...

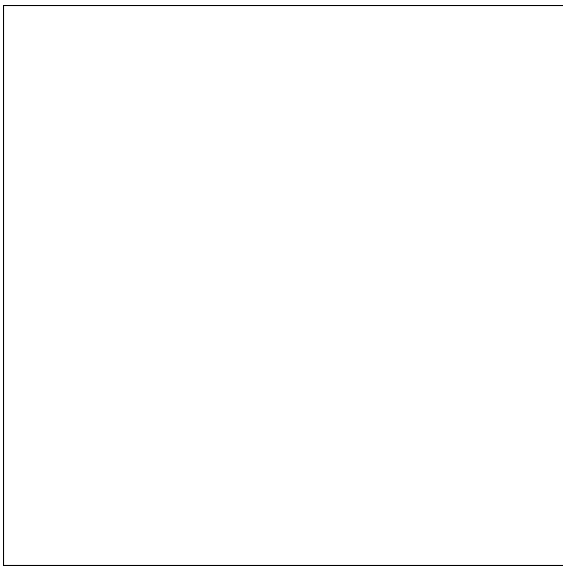
New passengers clutched their tickets as they looked for somewhere to sit in the crowded bus. Women with young children made them comfortable for the long journey.



Chín tiếng sau, tôi bắt đầu gọi tiếng gọi khách cho chuyến đi trở về làng tôi. Tôi nhanh chóng vác túi và ra khỏi xe buýt.

...

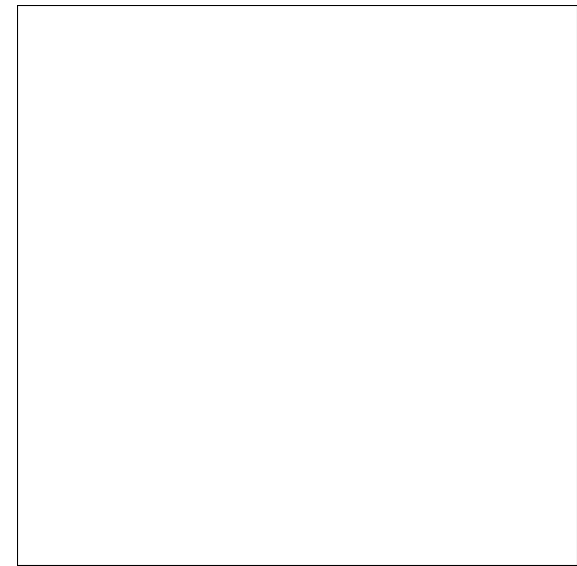
Nine hours later, I woke up with loud banging and calling for passengers going back to my village. I grabbed my small bag and jumped out of the bus.



Tôi chen vào một chỗ gần cửa sổ. Một người ngồi kế tôi giữ chặt chiếc túi xanh của anh ta. Anh ta mang đôi xăng đan cũ kĩ, một chiếc áo khoác sờn và anh trông không được thoải mái lắm.

...

I squeezed in next to a window. The person sitting next to me was holding tightly to a green plastic bag. He wore old sandals, a worn out coat, and he looked nervous.



Trên đường đi, tôi cố nhớ nơi ở của chú tôi ở thành phố. Tôi vẫn lẩm bẩm địa chỉ trong giấc ngủ của tôi.

...

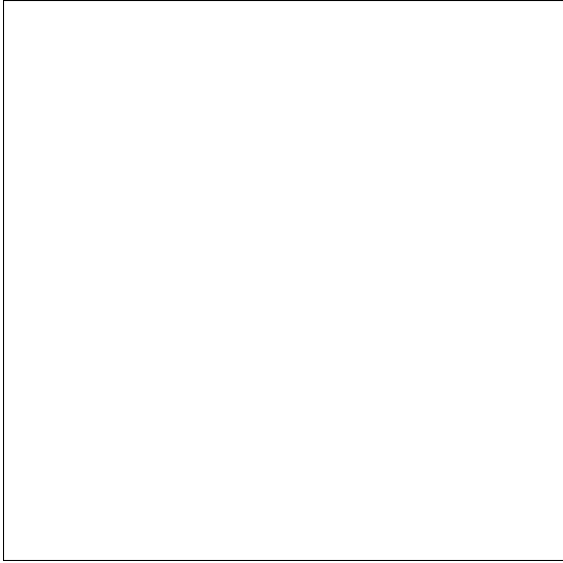
On the way, I memorised the name of the place where my uncle lived in the big city. I was still mumbling it when I fell asleep.



Tôi nhìn ra ngoài và nhận ra tôi đang rời khỏi làng, nơi tôi đã lớn lên. Tôi đang đi về phía thành phố lớn.

...

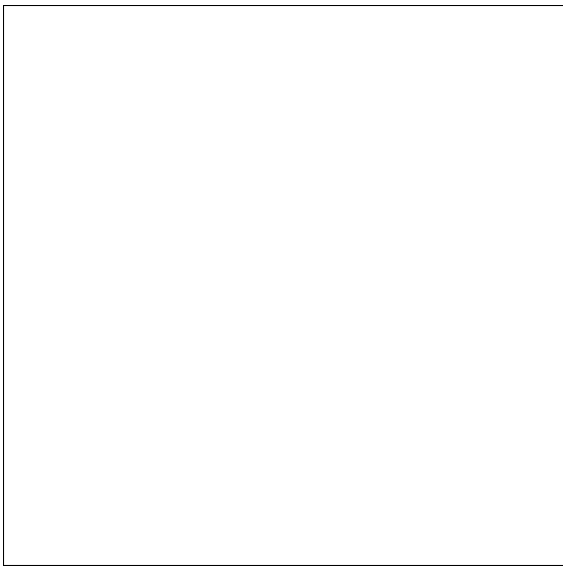
I looked outside the bus and realised that I was leaving my village, the place where I had grown up. I was going to the big city.



Nhưng tâm trí tôi hiện lên hình ảnh nhà tôi. Liệu mẹ tôi có ổn? Nhưng con thỏ có bán được không? Em trai tôi sẽ nhớ tưới cây chứ?

...

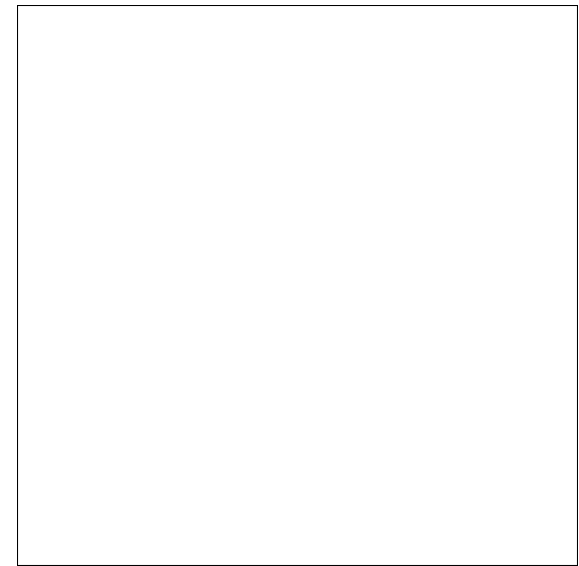
But my mind drifted back home. Will my mother be safe? Will my rabbits fetch any money? Will my brother remember to water my tree seedlings?



Mọi hành khách đã có được chỗ ngồi. Những người bán hàng rong chen chân lên xe để rao hàng, rao lên những thứ họ bán. Nghe thật vui tai.

...

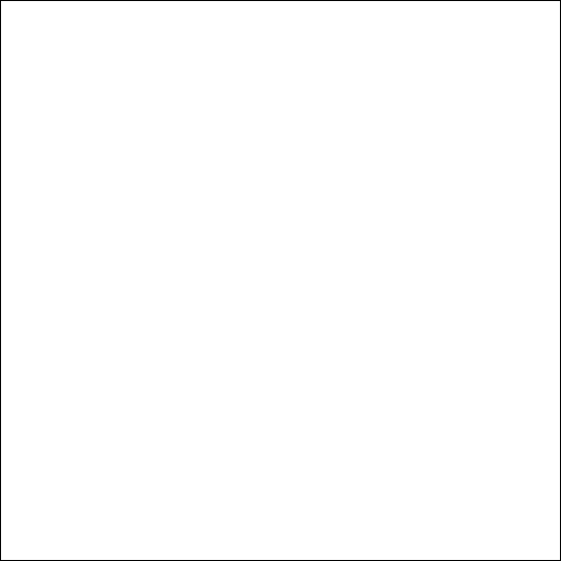
The loading was completed and all passengers were seated. Hawkers still pushed their way into the bus to sell their goods to the passengers. Everyone was shouting the names of what was available for sale. The words sounded funny to me.



Xe trở nên nực hơn. Tôi nhắm tịt mắt, cố gắng đi ngủ.

...

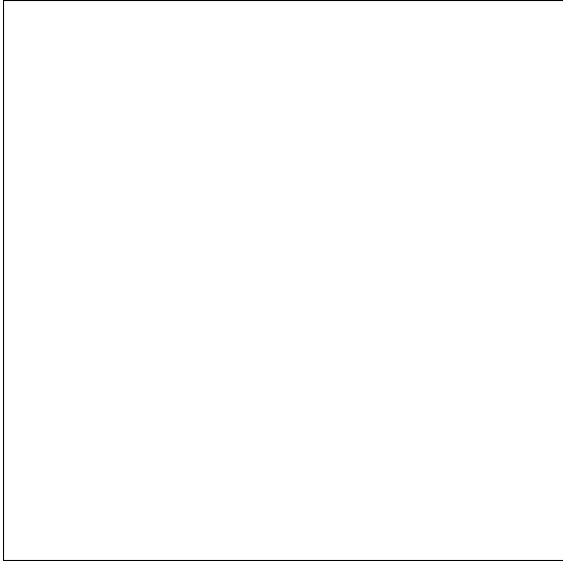
As the journey progressed, the inside of the bus got very hot. I closed my eyes hoping to sleep.



Vài người hành khách mua nước và đồ ăn vặt. Những người không có tiền, như tôi, thì ngồi yên.

...

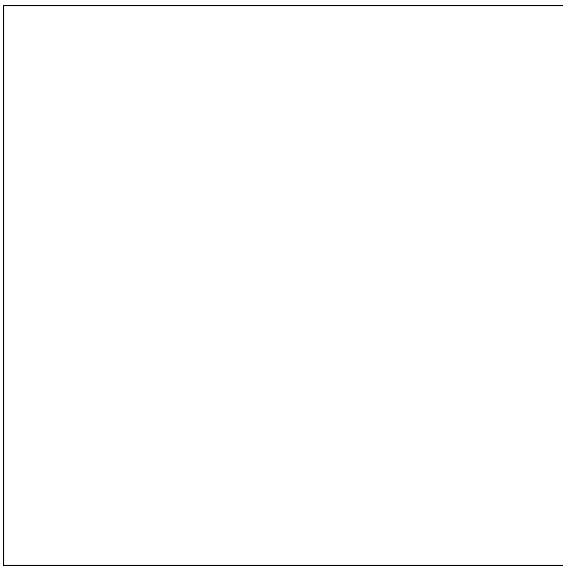
A few passengers bought drinks, others bought small snacks and began to chew. Those who did not have any money, like me, just watched.



Khi xe rời khỏi bến đỗ, tôi nhìn ra cửa sổ, tự như tôi khi nào tôi được về thăm làng tôi.

...

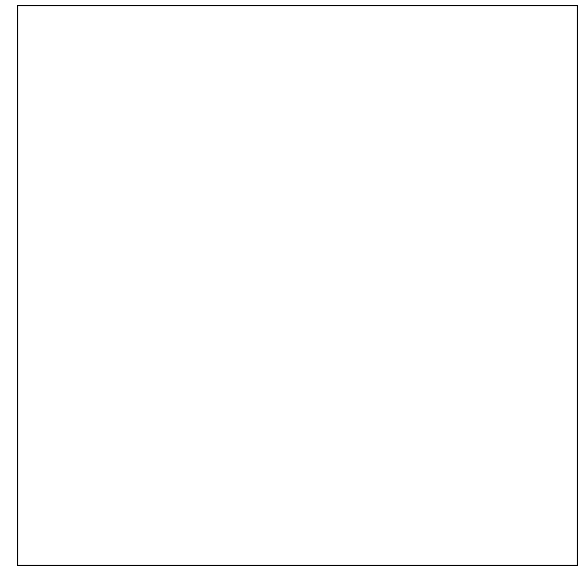
As the bus left the bus stop, I stared out of the window. I wondered if I would ever go back to my village again.



Tiếng còi xe cắt ngang mọi hoạt động, báo hiệu xe sắp chuyển bánh. Người soát vé bảo những người bán hàng rong ra khỏi xe.

...

These activities were interrupted by the hooting of the bus, a sign that we were ready to leave. The tout yelled at the hawkers to get out.



Họ trả tiền thối cho khách và chen nhau đi ra khỏi xe. Vài người ráng nán lại bán hàng.

...

Hawkers pushed each other to make their way out of the bus. Some gave back change to the travellers. Others made last minute attempts to sell more items.